TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 11 năm 2019
Về việc: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nuyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc: Không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 839/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái T C, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Số 0, Khu dân cư phường T, k4, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Hồng V D, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 0, Khu dân cư phường T, k4, phường T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Thái T C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Hồng V D chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình chung sống anh D thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Hồng T K, sinh năm 1993 và Hồng T B, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không có

Đối với bị đơn là anh Hồng V D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa

giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hồng V D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Thái T C và anh Hồng V D chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị C và anh D là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị C yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh D nên Tòa án không công nhận chị C và anh D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị C và anh D có 02 người con chung tên Hồng T K, sinh năm 1993 và Hồng T B, sinh năm 1996. Xét thấy, các con chung hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C xác định không có.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Thái T C và anh Hồng V D là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4. Về nợ chung: Chị C xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/10/2019 chị C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000851 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang